

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Giao thông (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000067 ngày 8 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty được chuyển đổi từ công ty TNHH Cavico Việt Nam Xây dựng Giao thông được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 011043000140 ngày 8 tháng 6 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

Số 011032000067 ngày 9 tháng 5 năm 2008

Số 011032000067 ngày 23 tháng 7 năm 2008

Nội dung điều chỉnh

Chuyển nhượng vốn của cổ đông sáng lập

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư đều là 40.000.000.000 đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi; dịch vụ xây dựng công nghiệp, dân dụng; dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ; dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV; khai thác và chế biến khoáng sản; kinh doanh bất động sản.

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của công ty là dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng công nghiệp, dân dụng, bốc xúc đất đá mỏ và xây lắp các công trình điện đến 110KV.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 227 nhân viên (2008: 233 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Xuân Quang	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Vũ Thành	Phó Chủ tịch	Ngày 29 tháng 8 năm 2007	-
Ông Đỗ Đức Minh	Thành viên	Ngày 24 tháng 8 năm 2007	-
Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 24 tháng 8 năm 2007	-
Trần Quốc Bảo	Thành viên	Ngày 31 tháng 3 năm 2008	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Xuân Khoa	Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 11 năm 2009	-
Ông Trần Vũ Thành	Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 9 năm 2007	Ngày 5 tháng 11 năm 2009
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 9 năm 2007	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Đỗ Xuân Khoa, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Giao thông, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

ĐỖ XUÂN KHOA

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 09-01-050

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Cavico Giao thông**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Cavico Giao thông (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 24. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cavico Giao thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 22 tháng 1 năm 2010

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		162.645.290.679	128.561.994.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.924.929.678	3.679.670.132
1. Tiền	111	3	1.924.929.678	3.679.670.132
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.522.186.587	54.929.627.915
1. Phải thu khách hàng	131		28.192.706.503	19.612.284.027
2. Trả trước cho người bán	132		2.127.664.940	2.294.781.756
5. Các khoản phải thu khác	135	4	34.201.815.144	33.022.562.132
IV. Hàng tồn kho	140	5	88.665.025.097	67.633.050.624
1. Hàng tồn kho	141		88.665.025.097	67.633.050.624
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.533.149.317	2.319.646.190
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.093.661
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	7.533.149.317	2.281.552.529
B. Tài sản dài hạn	200		51.289.576.407	51.115.744.807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.889.881.691	15.376.245.837
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		16.889.881.691	15.376.245.837
II. Tài sản cố định	220		30.577.888.977	31.134.721.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	25.746.658.858	30.786.357.294
- Nguyên giá	222		55.913.697.201	52.910.166.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.167.038.343)	(22.123.809.253)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	4.831.230.119	348.364.182
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.832.200.000	1.282.200.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	1.832.200.000	1.282.200.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.989.605.739	3.322.577.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.989.605.739	3.322.577.494
Tổng cộng tài sản	270		213.934.867.086	179.677.739.668

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Nợ phải trả	300		169.299.088.184	139.267.383.951
I. Nợ ngắn hạn	310		163.239.313.184	129.296.608.941
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	92.324.731.227	84.261.295.790
2. Phải trả người bán	312		16.725.368.085	9.797.015.091
3. Người mua trả tiền trước	313		1.023.884.604	112.426.604
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.393.515.260	10.181.905.984
5. Phải trả người lao động	315		8.018.291.517	5.312.464.746
6. Chi phí phải trả	316	13	1.955.877.238	2.368.865.864
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	30.796.102.513	17.261.092.122
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.542.740	1.542.740
II. Nợ dài hạn	330		6.059.775.000	9.970.775.010
4. Vay và nợ dài hạn	334	11	6.059.775.000	9.970.775.010
B. Vốn chủ sở hữu	400		44.635.778.902	40.410.355.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	44.635.778.902	40.410.355.717
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.864.460.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		324.840.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.446.478.902	410.355.717
Tổng cộng nguồn vốn	440		213.934.867.086	179.677.739.668

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 1 năm 2010

ĐỖ XUÂN KHOA
Tổng Giám đốc

NGUYỄN KIM NGÂN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu	01	16	58.041.632.917	63.697.148.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		58.041.632.917	63.697.148.991
4. Giá vốn hàng bán	11	17	(53.743.135.817)	(54.746.994.259)
5. Lợi nhuận gộp	20		4.298.497.100	8.950.154.732
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.315.253.155	166.354.246
7. Chi phí tài chính	22	19	(129.466.277)	(273.387.896)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(88.962.010)</i>	<i>(244.698.232)</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	(4.105.067.181)	(7.564.840.126)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.379.216.797	1.278.280.956
11. Thu nhập khác	31		2.280.783	191.492.178
12. Chi phí khác	32		-	(439.757.289)
13. Lợi nhuận khác	40		2.280.783	(248.265.111)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		1.381.497.580	1.030.015.845
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12	(345.374.395)	(288.404.437)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		1.036.123.185	741.611.408
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	250	185

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 1 năm 2010

ĐỖ XUÂN KHOA
Tổng Giám đốc

NGUYỄN KIM NGÂN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.381.497.580	1.030.015.845
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	11.638.943.384	10.442.061.308
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.315.253.155)	82.918.123
Chi phí lãi vay	06	12.746.874.656	13.932.975.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay			
Đổi vốn lưu động	08	24.452.062.465	25.487.970.594
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(15.140.150.291)	(25.599.332.805)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.031.974.473)	(10.444.367.631)
Thay đổi các khoản phải trả	11	25.946.883.037	17.319.772.967
Thay đổi chi phí trả trước	12	38.093.661	104.358.601
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.159.863.282)	(14.405.454.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(17.136.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(2.647.497.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.105.051.117	(10.201.686.422)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.749.139.130)	(12.275.990.621)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	-	190.476.190
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(550.000.000)	(912.200.000)
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	97.612.132	166.354.246
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.201.526.998)	(12.831.360.185)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu	31	3.189.300.000	-
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116.402.815.276	115.133.373.792
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(112.250.379.849)	(89.995.155.329)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	-	(203.006.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.341.735.427	24.935.212.463
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.754.740.454)	1.902.165.856
Tiền tồn đầu năm	60	3.679.670.132	1.777.504.276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	1.924.929.678	3.679.670.132

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 1 năm 2010

ĐỖ XUÂN KHOA
Tổng Giám đốc

NGUYỄN KIM NGÂN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000067 ngày 8 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty được chuyển đổi từ công ty TNHH Cavico Việt Nam Xây dựng Giao thông được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 011043000140 ngày 8 tháng 6 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

Số 011032000067 ngày 9 tháng 5 năm 2008

Số 011032000067 ngày 23 tháng 7 năm 2008

Nội dung điều chỉnh

Chuyển nhượng vốn của cổ đông sáng lập

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư đều là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi; dịch vụ xây dựng công nghiệp, dân dụng; dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ; dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV; khai thác và chế biến khoáng sản; kinh doanh bất động sản.

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của công ty là dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng công nghiệp, dân dụng, bốc xúc đất đá mỏ và xây lắp các công trình điện đến 110KV.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array}} + \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ hơn 1 năm đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các chủ sở hữu sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng chủ sở hữu.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.17. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.21. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.22. Phân loại lại

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tiền mặt	1.526.989.943	3.088.039.010
Tiền gửi ngân hàng	397.939.735	591.631.122
	1.924.929.678	3.679.670.132

4. Phải thu khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Chuyển nhượng cổ phiếu Habubank - Công ty TNHH Cavico Việt Nam	16.000.000.000	16.000.000.000
Cho vay - Công ty TNHH Cavico Việt Nam	14.168.963.077	15.294.017.055
Cho vay - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Kasmico	1.390.000.000	1.440.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	68.271.346	68.271.346
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	51.306.361	51.306.361
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	2.000.000.000	-
Phải thu đối tượng khác	523.274.360	168.967.370
	34.201.815.144	33.022.562.132

5. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Hàng mua đang đi trên đường	103.701.304	343.147.613
Nguyên liệu, vật liệu	4.119.781.228	4.611.512.656
Công cụ, dụng cụ	619.876.520	219.687.018
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.758.348.752	62.395.386.044
Thành phẩm	63.317.293	63.317.293
	88.665.025.097	67.633.050.624

6. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tạm ứng	7.383.149.317	1.981.552.529
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	150.000.000	300.000.000
	7.533.149.317	2.281.552.529

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	41.414.889.979	10.750.540.603	744.735.965	52.910.166.547
Tăng trong năm	2.959.303.381	27.727.273	16.500.000	3.003.530.654
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	<i>2.959.303.381</i>	<i>27.727.273</i>	<i>16.500.000</i>	<i>3.003.530.654</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	44.374.193.360	10.778.267.876	761.235.965	55.913.697.201
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	14.522.053.761	6.996.381.463	605.374.029	22.123.809.253
Khấu hao trong năm	6.618.124.229	1.303.216.827	121.888.034	8.043.229.090
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21.140.177.990	8.299.598.290	727.262.063	30.167.038.343
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	26.892.836.218	3.754.159.140	139.361.936	30.786.357.294
Số dư cuối năm	23.234.015.370	2.478.669.586	33.973.902	25.746.658.858

Giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là khoảng 16 tỷ đồng.

Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng là khoảng 1,3 tỷ đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số dư cuối năm
Công trình lán xưởng dự án	348.364.182	-	-	348.364.182
Dự án Điện Gió	-	4.482.865.937	-	4.482.865.937
	348.364.182	4.482.865.937	-	4.831.230.119

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	31.12.2009		31.12.2008	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Khoáng sản Việt Nam	20%	183.220	1.832.200.000	128.220	1.282.200.000
		183.220	1.832.200.000	128.220	1.282.200.000

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ dụng cụ tại Hà Nội	429.693.913	25.151.668	(273.253.747)	181.591.834
Công cụ dụng cụ tại Dự án Bản Vẽ	1.126.385.704	7.000.000	(1.015.135.601)	118.250.103
Công cụ dụng cụ tại Dự án Nậm Chiến	1.745.730.623	1.503.484.299	(1.927.958.982)	1.321.255.940
Công cụ dụng cụ tại Dự án Tân Kỳ	20.767.254	-	(19.771.696)	995.558
Công cụ dụng cụ tại Dự án Tả Trạch	-	647.056.572	(359.594.268)	287.462.304
Công cụ dụng cụ tại Dự án Dakrinh	-	80.050.000	-	80.050.000
	3.322.577.494	2.262.742.539	(3.595.714.294)	1.989.605.739

11. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Vay ngắn hạn	86.868.731.217	78.543.228.866
Vay ngân hàng	83.834.329.781	75.132.477.430
Vay các bên liên quan	2.714.401.436	2.014.401.436
Vay các đối tượng khác	320.000.000	1.396.350.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.456.000.010	5.718.066.924
Vay ngân hàng	5.456.000.010	5.718.066.924
Vay dài hạn	6.059.775.000	9.970.775.010
Vay ngân hàng	6.059.775.000	9.970.775.010
	98.384.506.227	94.232.070.800

Chi tiết các khoản vay

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2009
Vay ngắn hạn					86.868.731.217
Vay ngân hàng					83.834.329.781
- Ngân hàng NN & PTNT Đông Hà Nội	12	12/2010	10,05-11,05	-	65.200.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9	9/2010	10,05-11,05	-	11.641.079.781
- Ngân hàng Nông nghiệp Nông thôn Mường La	6	3/2010	10,05-11,05	-	6.993.250.000
Vay các bên liên quan					2.714.401.436
- Công ty Cavico Hạ Tầng	9	1/2010	9,5	Tín chấp	1.088.800.000
- Công ty Cavico Khai thác Mỏ	9	9/2010	-	Tín chấp	1.125.601.436
- Cavico Corporation	9	2010	-	Tín chấp	500.000.000
Vay các đối tượng khác					320.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	9	2010	-	Tín chấp	250.000.000
- Vay khác	12	12/2010	-	Tín chấp	70.000.000

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiết các khoản vay (tiếp theo)

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2009
Vay dài hạn					11.515.775.010
Vay ngân hàng					11.515.775.010
- Ngân hàng NN & PTNT Đông Hà Nội	42	9/2012	10,05-11,05	Tài sản	1.700.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	36	12/2011	10,05-11,05	Tài sản	9.297.275.000
- Ngân hàng Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	60	9/2012	10,05-11,05	Tài sản	468.500.000
- Ngân hàng VID Public	36	6/2010	10,05-11,05	Tài sản	50.000.010
					98.384.506.227

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	3.193.439.555	(3.193.439.555)	-
	-	3.193.439.555	(3.193.439.555)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.077.835.110	4.987.044.005	(3.184.210.124)	7.880.668.991
Thuế xuất - nhập khẩu	-	122.354.469	(122.354.469)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.999.598.874	345.374.395	-	4.344.973.269
Thuế thu nhập cá nhân	104.472.000	99.769.000	(36.368.000)	167.873.000
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	10.181.905.984	5.557.541.869	(3.345.932.593)	12.393.515.260

12.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

12.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	1.381.497.580	1.030.015.845
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	-	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.381.497.580	1.030.015.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	345.374.395	288.404.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	3.999.598.874	2.056.677.932
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	1.671.652.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(17.136.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	4.344.973.269	3.999.598.874

12.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Chi phí lãi vay	667.227.238	1.030.729.511
Chi phí thuê xe	1.288.650.000	1.288.650.000
Các khoản khác	-	49.486.353
	1.955.877.238	2.368.865.864

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Bảo hiểm xã hội	656.722.659	536.300.659
Bảo hiểm y tế	174.976.652	103.713.652
Bảo hiểm thất nghiệp	27.300.000	-
Kinh phí công đoàn	201.313.400	131.062.400
Cổ tức phải trả	60.499.000	1.585.964.000
Tạm ứng	716.453.650	-
Cavico Việt Nam tạm ứng cho dự án Nậm Chiến	5.970.063.019	5.970.063.019
Cavico Việt Nam tạm ứng cho dự án Tả Trạch	4.500.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Thủy điện Dakrinh - tạm ứng dự án Dakrinh	7.001.388.300	-
Công ty CP Khai thác Mỏ Việt Nam - tạm ứng dự án nhà máy bột đá siêu mịn	5.700.000.000	-
Phải trả khác cho Cavico Việt Nam	3.899.193.330	1.872.729.116
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	1.888.192.503	5.061.259.276
	30.796.102.513	17.261.092.122

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15. Vốn chủ sở hữu

15.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 1.1.2008	40.000.000.000	-	4.190.900.192	44.190.900.192
Lợi nhuận trong năm	-	-	741.611.408	741.611.408
Cổ tức phải chia năm 2007	-	-	(1.788.970.000)	(1.788.970.000)
Điều chỉnh thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2004, 2005, 2006, 2007	-	-	(1.671.652.505)	(1.671.652.505)
Điều chỉnh thuế TNCN theo quyết toán thuế năm 2004, 2005, 2006, 2007	-	-	(1.061.533.378)	(1.061.533.378)
Số dư 31.12.2008	40.000.000.000	-	410.355.717	40.410.355.717
Tăng vốn cổ phần	2.864.460.000	324.840.000	-	3.189.300.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.036.123.185	1.036.123.185
Số dư 31.12.2009	42.864.460.000	324.840.000	1.446.478.902	44.635.778.902

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

Cổ đông	Cổ phiếu thường	
	31.12.2009	31.12.2008
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	16.000.000.000	16.000.000.000
Ông Bùi Quảng Hà	13.844.730.000	13.844.730.000
Ông Dương Văn Đích	1.200.000.000	100.000.000
Ông Trần Vũ Thành	750.000.000	550.000.000
Bà Đặng Thị Kim Hương	970.110.000	891.110.000
Bà Vũ Thu Hà	625.000.000	625.000.000
Ông Lê Đức Hải	550.000.000	550.000.000
Ông Lê Xuân Quang	528.310.000	508.330.000
Ông Trần Thanh Long	500.000.000	300.000.000
Ông Lê Hồng Sơn	285.000.000	285.000.000
Cổ đông khác	7.611.310.000	6.345.830.000
Tổng cộng	42.864.460.000	40.000.000.000

15.3 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2009	2008
Vốn cổ phần đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	2.864.460.000	-
Vốn cổ phần cuối năm	42.864.460.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	-	1.788.970.000

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15.4 Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.286.460	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.286.460	4.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>4.286.460</i>	<i>4.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.286.460	4.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>4.286.460</i>	<i>4.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Doanh thu

Nội dung	2009	2008
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	56.972.026.812	62.476.116.962
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	555.808.297	1.095.258.834
Doanh thu hoạt động khác	513.797.808	125.773.195
	58.041.632.917	63.697.148.991

17. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2009	2008
Giá vốn từ các hợp đồng xây dựng	53.080.526.331	54.145.979.214
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	193.712.768	475.241.850
Giá vốn hoạt động khác	468.896.718	125.773.195
	53.743.135.817	54.746.994.259

18. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.271.619.370	24.213.952
Lãi chậm thanh toán	43.633.785	142.140.291
	1.315.253.155	166.354.246

19. Chi phí tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi tiền vay	88.962.010	244.698.232
Lãi chậm thanh toán	40.504.267	28.689.664
	129.466.277	273.387.896

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2009	2008
Chi phí nhân viên quản lý	2.378.562.092	3.114.239.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	376.369.533	368.911.751
Thuế, phí và lệ phí	263.721.263	267.076.240
Chi phí dự phòng	-	89.991.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	853.306.467	3.364.583.637
Chi phí khác	233.107.826	360.038.456
	4.105.067.181	7.564.840.126

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	1.036.123.185	741.611.408
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	1.036.123.185	741.611.408
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	4.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	143.230	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	4.143.230	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	250	185

22. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

22.1 Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	2009
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	Giá trị sản lượng	13.718.679.661
		Thuê máy móc thiết bị	(342.876.000)
		Phí quản lý	(2.586.727.189)
		Lãi phải thu	1.217.641.023
		Nhận tiền tạm ứng vốn	(2.500.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Công ty liên kết	Thuê máy móc thiết bị	(127.272.727)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng	Công ty liên kết	Cho thuê máy móc thiết bị	312.430.570
		Thuê máy móc thiết bị	(20.089.847)
		Bán nguyên vật liệu	949.099.935
		Mua nguyên vật liệu	(969.206.592)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	180.365.809
		Lãi vay phải trả	(121.666.667)
		Nhận tiền tạm ứng vốn	(2.000.000.000)

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	2009
Công ty Cổ phần Cavico Thương mại Xây dựng	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Lãi vay phải trả	(3.096.949.637) (57.128.367)
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản Công nghiệp	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	(146.988.080)
Công ty Cổ phần Cavico Nhân lực và Dịch vụ	Công ty liên kết	Chi phí nhân công	(984.212.500)
Công ty Cổ phần Cavico Cầu hầm	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Lãi phải thu	59.090.909 21.053.227
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho thuê máy móc thiết bị Mua nguyên vật liệu Lãi phải thu	177.272.727 (322.795.540) 37.509.666
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	550.000.000

22.2 Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu/(phải trả) tại 31.12.2009
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	15.656.857.707
Công ty CP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Công ty liên kết	1.347.133.840
Công ty Cổ phần Cavico Cầu hầm	Công ty liên kết	216.584.915
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực Tài nguyên	Công ty liên kết	694.188.715
Phải thu khác		
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	30.168.963.077
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Công ty liên kết	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Cầu hầm	Công ty liên kết	51.306.361
Vay		
Công ty CP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Công ty liên kết	(1.125.601.436)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Công ty liên kết	(1.088.800.000)
Công ty Cavico Corp Inc	Công ty liên kết	(500.000.000)
Phải trả cho người bán		
Công ty CP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Công ty liên kết	(959.089.896)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Công ty liên kết	(40.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Thương mại Xây dựng	Công ty liên kết	(1.168.461.711)
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản Công nghiệp	Công ty liên kết	(161.596.030)
Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ	Công ty liên kết	(976.720.366)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực Tài nguyên	Công ty liên kết	(353.414.461)
Phải trả khác		
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	(14.369.256.349)
Công ty CP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	Công ty liên kết	(32.044.000)

Công ty Cổ phần Cavico Giao thông

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 22 tháng 1 năm 2010.

ĐỖ XUÂN KHOA
Tổng Giám đốc

NGUYỄN KIM NGÂN
Kế toán trưởng